TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT
Ngày 21-12-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1977 (có mặt)

Ông Thạch Phanh N, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn*: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Văn T: Ông Thạch B, sinh năm 1961; cư trú tại Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Thạch B, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Ông Thạch G, sinh năm 1963 (có mặt)

3. Bà Thạch Thị n, sinh năm 1966 (có mặt)

4. Bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* ông Thạch Văn T là bị đơn

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch H – Công tác tại Bảo tàng dân tộc tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2020 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Thạch Thị S *và ông* Thạch Phanh N *trình bày*:

Phần diện tích đất 396 m^2 thuộc thửa số 231, tờ bản đồ số 12 loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc đất là của cha ông bà là ông Thạch Đ1 làm thủ tục tặng cho ông bà vào năm 2015. Phần đất trên giáp ranh với phần đất của ông Thạch Văn T diện tích là 376,8 m^2 thuộc thửa 268 tờ bản đồ số 12. Phần đất này hai bên gia đình sử dụng ổn định từ trước đến nay không xảy ra tranh chấp, đến ngày 07/9/2019 ông bà có mua vật tư và mướn thợ để xây dựng làm hàng rào trên phần đất của ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Thạch Văn T ra ngăn cản. Nay bà S, ông N yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 396 m^2 thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 12 loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà để ông bà xây dựng hàng rào, ông bà đồng ý chừa lại phần đất ngang 01 mét, dài hết đất cho ông T, ông B, ông G và bà N1 sử dụng làm lối đi chung, ông bà không yêu cầu hoàn trả giá trị đất. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thì ông bà xin rút lại đối với yêu cầu này. Trên phần đất ngang 01 mét, dài hết đất mà ông bà để cho ông T, ông B, ông G và bà N1 sử dụng chung có một cây sung và một cây dừa thì phía ông T, ông B, ông G và bà N1 phải có nghĩa vụ di dời.

Đối với căn nhà của bà Thạch Thị Đ, bà Đ đã ở trước khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay bà thống nhất để bà Đ tiếp tục ở trên đất.

Tại đơn phản tố ngày 19/11/2021 của ông Thạch Văn T *và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông* Thạch B *là người đại diện cho bị đơn ông* Thạch Văn T *đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*: Giữa ông với bà Thạch Thị P là vợ của ông Thạch Đ1 là chị em chú bác, nguồn gốc đất thuộc thửa 231 hiện do bà Thạch Thị S đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của ông Thạch S1 là cha của ông, trước kia do còn nghèo nên anh em có chia đất để cất nhà ở trong đó có vợ chồng của ông Đ1, quá trình ở không hiểu lý do vì sao ông Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông Đ1 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S, sau khi bà S được đứng tên quyền sử dụng đất thì bà S tiến hành mua vật tư xây dựng làm hàng rào. Nay ông và ông T không

có khiếu nại gì đối với thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông Thạch Đ1 và bà Thạch Thị S nhưng ông không đồng ý để cho bà S hàng rào, ông yêu cầu bà Sương dành phần đất cụ thể: phần 1 có chiều ngang là 1,9 mét chiều dài là 6,55 mét; phần 2 có chiều ngang là 5,9 mét chiều dài là 14,9 mét để làm sân chung, đường đi chung. Đối với yêu cầu của bà S yêu cầu ông T phải bồi thường tiền vật tư cho bà Sương thì ông Tiếc không đồng ý, vì bà S tự ý mua vật tư làm hàng rào không có xin ý kiến của ông T. Đối với cây dừa và cây sung thì phía ông Tiếc, ông B không đồng ý di dời.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N2 *trình bày:* Thống nhất theo như lời trình bày của ông Thạch B. Đối với cây dừa và cây sung thì bà không đồng ý di dời.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch G *trình bày:* Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất thống nhất theo lời trình bày của ông Thạch B. Đối với cây dừa và cây sung có trên đất thì ông đồng ý di dời để có lối đi thông thoáng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Đ *trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất 396 m^2 thuộc thửa 231 tờ bản đồ số 12 loại đất ODT + CLN tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S vào ngày 31/7/2015 có nguồn gốc đất là của ông Thạch Đ1 là cha ruột của bà cho bà Thạch Thị S sử dụng. Trên phần đất mà ông Thạch Đ1 cho bà Thạch Thị S có một căn nhà của bà loại nhà máy lợp tol, đòn tay gỗ, nền gạch men có diện tích ngang 3,35 mét, dài 3,5 mét. Nay bà không có khiếu nại hay tranh chấp gì đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S, bà thống nhất diện tích đất 396 m^2 thuộc thửa 231 tờ bản đồ số 12 loại đất ODT + CLN tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S vào ngày 31/7/2015 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Thạch Thị S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 190 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 396 m^2 thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 12 loại đất ở tại đô thị và cây lâu năm tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Thạch Thị S tại số CA 227294 ngày 31/7/2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N đồng ý để lại diện tích đất ngang 01 mét, dài hết đất nằm chung trong tổng diện tích đất 396 m^2 thuộc thửa 231 loại đất trồng cây lâu năm cho ông Thạch Văn T, ông Thạch B, Thạch G và Thạch Thị N2 sử dụng chung, phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 268 có kích thước là 24,15 mét;

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 231 có 02 đoạn: đoạn 1 có kích thước 12,29 mét; đoạn 2 có kích thước 11,87 mét;

- Hướng Nam giáp thửa số 21 có kích thước 01 mét;

- Hướng Bắc giáp đường đất có kích thước 01 mét

Tổng diện tích 23,9 m^2 loại đất trồng cây lâu năm (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Thạch Văn T, ông Thạch G, ông Thạch B và bà Thạch Thị N2 không phải hoàn trả giá trị do bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N.

3. Ông Thạch Văn T, bà Thạch Thị N2, ông Thạch B và ông Thạch G phải có nghĩa vụ di dời một cây sung loại D và một cây dừa (07-25 năm) để có lối đi thông thoáng.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

5. Về chi phí thẩm định và định giá là 11.067.016 đồng; Phía nguyên đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N tự nguyện chịu 6.186.471 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đó nên ông bà không phải nộp tiếp. Bị đơn ông Thạch Văn T phải chịu 4.880.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 4.880.000 đồng nên ông không phải nộp tiếp.

6. Về Án phí dân sự: Bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002888 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Thạch Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008925 ngày 30/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Thạch Văn T không phải nộp tiếp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2022 ông Thạch Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp thuộc thửa

số 231 có diện tích 02 phần: Phần 1 có chiều ngang 1,9 mét, chiều dài 6,55 mét và phần 2: chiều ngang 5,9 mét, chiều dài 14,9 mét để làm sân chung và đường đi chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc thửa số 231 diện tích 396m^2, tọa lạc tại khóm B, thị trấn T là của ông Thạch Đ1 cho con là bà Thạch Thị S, bà S được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 31/7/2015, suốt quá trình từ ông Đ1 và bà S sử dụng không có ai tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho bà S là có căn cứ.

Từ phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đầy đủ và chính xác, xác định thẩm quyền xét xử vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông Thạch Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp thuộc thửa số số 231 có diện tích 02 phần: Phần 1 có chiều ngang 1,9 mét, chiều dài 6,55 mét và phần 2: chiều ngang 5,9 mét, chiều dài 14,9 mét để làm sân chung và đường đi chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về nguồn gốc: Đối với thửa đất số 231 diện tích 396m^2 có lịch sử biến động như sau: Theo tư liệu 1983 thì phần đất này thuộc một phần của thửa đất số 1063 do ông Thạch Đ1 sử dụng có diện tích là 300m^2. Tư liệu 1992 phần đất tranh chấp thuộc thửa 1607 có diện tích là 360m^2 do ông Thạch Đ1 đứng tên sổ mục kê

và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành B 199131 cấp ngày 01/7/1994 cho ông Thạch Đ1. Năm 2015 bà Thạch Thị S nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa 1607 từ ông Thạch Đ1 và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CA 227294 cấp ngày 31/7/2015 tại thửa 231 diện tích là 396 m^2. Như vậy có cơ sở xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Thạch Đ1, sau khi ông Thạch Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Thạch Đ1 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Quá trình sử dụng đất của ông Đ1 sau đó là bà S, phía ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng là đường đi chung, sân chung nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ xác định mục đích sử dụng chung, khi ông Đ1, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp về quyền sử dụng đất này. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang tranh chấp là của ông Đ1 và bà S, các đương sự không khiếu nại, hay tranh chấp gì về quyền sử dụng đất này mà chỉ yêu cầu được sử dụng phần sân chung và lối đi chung. Từ những phân tích trên cho thấy, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất từ ông Đ1 đến bà S là hợp pháp, Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S và anh Thạch Phanh N thửa đất số 231, diện tích 396m^2, tờ bản đồ số 12 theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Ông T kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp là diện tích đất được sử dụng chung từ trước đến nay nhưng từ khi khởi kiện vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đến tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T, ông B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có sử dụng lối đi này, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đất tranh chấp đã được sử dụng để làm sân chung và lối đi chung các ông bà trình bày. Đồng thời, theo diện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Thạch Đ1 và cấp cho bà Thạch Thị S không thể hiện diện tích đất tranh chấp trên có lối đi chung, sân chung như bị đơn trình bày mà phần diện tích đất này được cấp quyền sử dụng cho bà Thạch Thị S tại thửa đất số 231, diện tích 396m^2, tờ bản đồ số 12 loại đất ở tại đô thị và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Các đương sự có đất giáp ranh với bà S có nhà, có sân, không bị hạn chế bởi lối đi qua bất động sản liền kề. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án bà S và ông N tự nguyện tách diện tích đất ngang 01 mét, dài hết đất thuộc quyền sử dụng của mình để cho bị đơn là ông Thạch Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch G, ông Thạch B và bà Thạch Thị N2 sử dụng làm lối đi chung mà không yêu cầu hỗ trợ, bồi hoàn giá trị đối với phần diện tích đất này. Xét ý kiến của bà S và ông Phanh N là hợp tình, hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật và tình tiết khách quan của vụ án.

[6] Từ những căn cứ trên cho thấy bản án sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật. Sau khi nộp đơn kháng cáo, ông Thạch Văn T không có nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nào mới cho Tòa án cấp phúc thẩm để chứng minh cho yêu cầu kháng

cáo của ông là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn T.

[7] Trong vụ án bị đơn ông Thạch Văn T có làm đơn phản tố đề ngày 19/11/2021 yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp thuộc thửa số 231 có diện tích 02 phần: Phần 1 có chiều ngang 1,9 mét, chiều dài 6,55 mét và phần 2: chiều ngang 5,9 mét, chiều dài 14,9 mét để làm sân chung và đường đi chung, yêu cầu này Tòa án đã thụ lý tại Thông báo thụ lý số 02a/TB-TLVA ngày 22/11/2021. Tuy nhiên trong bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, đánh giá yêu cầu phản tố này của ông T có cơ sở chấp nhận hay không là thiếu xót. Xét thấy, thiếu xót này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi xem xét toàn diện vụ án.

[8] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên ông Thạch Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 190 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn T

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 179/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 396m^2 thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 12 loại đất ở tại đô thị và cây lâu năm tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Thạch Thị S tại số CA 227294 ngày 31/7/2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N đồng ý để lại diện tích đất ngang 01 mét, dài hết đất nằm chung trong tổng diện tích đất 396m^2 thuộc thửa 231 loại đất trồng cây lâu năm cho ông Thạch Văn T, ông Thạch B, Thạch G và Thạch Thị N2 sử dụng chung, phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 268 có kích thước là 24,15 mét;

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 231 có 02 đoạn: đoạn 1 có kích thước 12,29 mét; đoạn 2 có kích thước 11,87 mét;

- Hướng Nam giáp thửa số 21 có kích thước 01 mét;

- Hướng Bắc giáp đường đất có kích thước 01 mét

Tổng diện tích 23,9 m^2 loại đất trồng cây lâu năm (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Thạch Văn T, ông Thạch G, ông Thạch B và bà Thạch Thị N2 không phải hoàn trả giá trị do bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N.

Các bên không được có hành vi ngăn chặn, cản trở việc lưu thông đi lại và gia đình hai bên không được xây dựng hàng rào chắn lối đi chung của nhau, các bên phải có trách nhiệm bồi đắp, tôn tạo, giữ gìn phần đất này làm lối đi chung, nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại đất, làm mất công năng sử dụng lối đi. Thạch Bal, Thạch G và Thạch Thị Ngọc Thạch B1, Thạch G và Thạch Thị Ngọc

3. Ông Thạch Văn T, bà Thạch Thị N2, ông Thạch B và ông Thạch G phải có nghĩa vụ di dời một cây sung loại D và một cây dừa (07-25 năm) để có lối đi thông thoáng.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

5. Về chi phí thẩm định và định giá là 11.067.016 (mười một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm mười sáu) đồng; Phía nguyên đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N tự nguyện chịu 6.186.471 (sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi mốt) đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đó nên ông bà không phải nộp tiếp. Bị đơn ông Thạch Văn T phải chịu 4.880.000 (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 4.880.000 (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng nên ông không phải nộp tiếp.

6. Về Án phí dân sự: Bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Thạch Thị S và ông Thạch Phanh N số tiền tạm ứng án phí 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002888 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TĐơi. Ông Thạch Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008925 ngày 30/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Thạch Văn T không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thạch Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai 0002936 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh, ông Thạch Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Hữu Bình